

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 149/2021/DS-ST

Ngày 10-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
giao khoán.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn.

2. Ông Nông Thanh Tùy.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Hòa Bình, chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 831/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Minh H, Sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Việt H1, sinh năm 1950. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần cà phê T.

Địa chỉ: Km X, Quốc lộ Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T:* Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957 – (Có mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (*Theo văn bản ủy quyền số 551/GUQ ngày 17 tháng 9 năm 2020*).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H, quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 trình bày:*

Công ty đã quyết định tuyển dụng anh Lê Minh H vào làm công nhân cho công ty theo Quyết định số 13/12/QĐ-CTTNHH ngày 10/8/2012 v/v tuyển dụng và phân công công tác của Công ty TNHH Một thành viên cà phê T. Đồng thời, Công ty cũng đã ban hành Quyết định số 07/12/QĐ-CTTNHH ngày 10/8/2012 v/v giao diện tích cà phê hình thức khoán gọn giữa Công ty TNHH Một thành viên cà phê T với anh Lê Minh H để được tiếp tục nhận quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch đối với diện tích cà phê trồng năm 1987 là 0,9385 ha, lô số 53 thuộc đơn vị 19/5 (trước đây diện tích đất giao khoán này là giao cho ông Lê Việt H1, sau khi ông H1 nghỉ hưu thì công ty mới có quyết định ký và giao khoán tiếp với con trai ông là anh Lê Minh H). Theo nội dung quy định tại Điều 2 của Quyết định thì anh Lê Minh H có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc giao nộp sản phẩm và phê theo định mức năng suất, sản lượng của các năm từ năm 2012 – 2014 là 5,50 tạ nhân/ha. Hết thời gian chu kỳ giao khoán này công ty xem xét và điều chỉnh lại năng suất, sản lượng cũng như thời gian giao khoán cho các năm tiếp theo.

Đến ngày 12/6/2014, anh H có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1987 của Công ty có diện tích 9.385 m<sup>2</sup> (tương ứng với 0.9385 ha).

Trên cơ sở đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên của anh H thì vào ngày 15/6/2014 giữa anh H và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên. Cụ thể:

Theo hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 864/2014/HĐ-GK ngày 15/6/2014, giữa Công ty TNHH Một thành viên cà phê T với anh Lê Minh H thì anh H đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 9.385 m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.363m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 19/5, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 40.055.087 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 16.802.795 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 05 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, anh H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì anh H phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể:

Anh H phát hiện Công ty đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận của anh là 12.422.107,6 đồng); Công ty đã gian lận số cà phê quả tươi của anh H trong 06 năm (từ năm 2012-2017) với số lượng 2.604 kg, quy thành tiền là: 20.832.000 đồng (bình quân một năm là 434kg). Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương của anh H (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng (bình quân một năm là 255.000đồng). Do đó, anh H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho anh số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng. Tổng cộng là 100.464.645,6 đồng (*Một trăm triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy sáu đồng*).

Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 lần lượt có các đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí là 5.100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà ông Lê Việt H1 không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện là 79.632.645,6 đồng (*Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy sáu đồng*).

Đối với số tiền còn lại 20.832.000 đồng là tiền của số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) thì ông H1 vẫn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho anh H. Ngoài ra, ông H1 không có yêu cầu gì thêm.

*\*Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) thừa nhận là giữa Công ty với anh Lê Minh H có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau. Cụ thể:

Vào ngày 12/6/2014, anh Lê Minh H có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 9.385 m<sup>2</sup> (tương ứng với 0.9385 ha).

Trên cơ sở đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên của anh Lê Minh H ngày 12/6/2014. Vào ngày 15/6/2014 giữa anh Lê Minh H và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên. Cụ thể:

Theo hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 864/2014/HĐ-GK ngày 15/6/2014, giữa Công ty TNHH một thành viên Cà phê T với anh Lê Minh H thì ông đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 9.385 m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.363m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 19/5, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 40.055.087 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 16.802.795 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 05 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2018-2019, anh H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2019-2020 anh Lê Minh H đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Việc làm của anh H là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện anh về việc buộc anh phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác cho Công ty. Nay anh Lê Minh H khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí là 5.100.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Việt H1 rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng; buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí là 5.100.000 đồng, tổng cộng số tiền là 79.632.645,6 đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết là 79.632.645,6 đồng. Đối với số tiền còn lại 20.832.000 đồng là tiền số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) thì ông H1 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho anh Lê Minh H.

Với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H thì phía Công ty Cổ phần cà phê T hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H. Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì Công ty không có ý kiến gì. Lý do, Công ty hoàn toàn không đồng ý đối với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H là vì giữa anh H và Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau là dựa trên Bộ luật dân sự, Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010, Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10 tháng 02 năm 2011 và từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên mà nòng cốt của phương án là trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án Hợp đồng hợp tác đầu tư & phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010. Việc ký hợp đồng giữa anh H với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Và trước khi ký hợp đồng thì có hội đồng xét duyệt đơn, sau đó Tổng giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng với anh theo quy định của pháp luật.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 về việc: “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng” yêu cầu này là không có cơ sở. Do đó Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho các đương sự làm bản tự khai và tiến hành đối chất, công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

**Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H:**

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho anh đối với tổng số tiền 79.632.645,6 đồng (*Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy sáu đồng*). Anh Lê Minh H được khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Tại phiên tòa, xét thấy nguyên đơn anh Lê Minh H vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Việt H1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền ông Lê Việt H1 đối với bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T). Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy:

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, giữa hộ nông trường viên (hộ nhận khoán) là anh Lê Minh H với Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau, việc ký hợp đồng giữa các bên dựa trên đơn xin khoán gọn vườn cây cà phê của anh gửi Công ty. Cụ thể:

- Hộ nông trường viên anh Lê Minh H với Công ty TNHH MTV cà phê T có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 864/2014/HĐ-GK ngày 15/6/2014;

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2018-2019 thì anh đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Qua xem xét các Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán, hộ nhận khoán là anh Lê Minh H đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký ngày 15/6/2014 cho đến hết niên vụ cà phê 2018-2019 và các bên không có tranh chấp gì. Và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký Hợp đồng song vụ này. Do đó xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:* “Hợp đồng thuê khoán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê khoán giao tài sản cho bên thuê để khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản đó và có nghĩa vụ trả tiền thuê”.

*Tại Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:* “Thời hạn thuê khoán do các bên thoả thuận theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh phù hợp với tính chất của đối tượng thuê khoán”.

*Tại Điều 7 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định:* “Căn cứ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh và trình độ quản lý của mình, bên giao khoán được lựa chọn hình thức giao khoán thích hợp với khả

năng của bên nhận khoán: 1. Khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh.”.

*Tại Điều 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định: “Việc giao khoán đất trồng cây lâu năm được gắn với việc điều hành sản xuất của bên giao khoán và được thực hiện như sau:*

1. Giao khoán đất đã có cây lâu năm: bên giao khoán căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật và thực trạng của vườn cây để tiến hành hợp đồng giao khoán đất gắn với giao khoán vườn cây ổn định theo chu kỳ cây trồng, với nội dung chính sau:

- a) Diện tích đất giao khoán gắn với vườn cây;
- b) Nhiệm vụ sản xuất, giá trị còn lại của vườn cây và thời gian sản xuất còn lại của vườn cây trên diện tích khoán;
- c) Tổng chi phí sản xuất trên một ha cho cả chu kỳ kinh doanh;
- d) Khối lượng sản phẩm sản xuất tính trên một ha cho cả chu kỳ kinh doanh;
- ....”

**- Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H và ý kiến người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 về việc:** “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*)”. Qua xem xét, thì thấy: Nguyên đơn anh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Việt H1 cho rằng việc làm thành cà phê phải là 4,1kg cà phê quả tươi = 01 kg cà phê nhân, thì thấy: Căn cứ vào hợp đồng hai bên ký kết thể hiện là ký theo chu kỳ kinh doanh của vườn cây chứ không ký theo từng năm và định mức khoán sản lượng giao nộp cho Công ty cũng khoán theo chu kỳ (cụ thể số kilôgam cà phê quả tươi làm thành cà phê nhân là: 01 kg nhân xô = 4,55kg quả tươi) (Định mức dựa theo bảng phương án khoán của Công ty đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011). Theo hợp đồng, việc làm thành cà phê quả tươi quy nhân phải đảm bảo theo khoản 4, 5 Điều 1 của Hợp đồng, đó là: “4. Chất lượng sản phẩm giao nộp: Sản lượng bên B giao nộp phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể như sau: Tỷ lệ quả chín:  $\geq 85\%$ ; Tỷ lệ cà phê quả vàng:  $\leq 12\%$ ; Tỷ lệ quả xanh:  $\leq 3\%$ ; Tỷ lệ tạp chất:  $\leq 0,5\%$ . Sản lượng giao nộp phải khô ráo, không lẫn nước, nếu gặp mưa bên A sẽ tính tỷ lệ khấu trừ”. 5. Thời gian giao nộp sản phẩm: Theo phương án thu hoạch hằng năm của Công ty”.

Căn cứ theo Bảng tiêu chuẩn ngành số 10TCN 98:1988 ngày 04 tháng 6 năm 2002 và Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 12 năm 2009 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn thì định mức 4,55kg cà phê tươi = 01kg cà phê nhân đã được Công ty làm thành và đưa vào bản phương án khoán của Công ty trình lên UBND tỉnh Đắk Lắk và đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011. Việc làm thành này là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, theo tài liệu do bị đơn cung cấp hằng năm Công ty đều lập biên bản làm thành cà phê và tỷ lệ làm thành đều cao hơn so với định mức khoán Công ty đưa ra. Do đó, việc anh H cho rằng Công ty định mức 4,55kg cà phê tươi = 01kg cà phê

nhân là cao so với người dân tự làm là 4,1kg cà phê tươi = 01kg cà phê nhân làm thành là không có cơ sở. Đồng thời việc làm thành của nguyên đơn không được thừa nhận, nguyên đơn tự làm thành dựa trên thực tế chứ không dựa theo Bảng tiêu chuẩn ngành số 10TCN 98:1988 ngày 04 tháng 6 năm 2002 và Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 12 năm 2009 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Do đó đối với bảng làm thành cà phê nhân đề ngày 09/11/2019 kết thúc lúc 18 giờ 00 ngày 18 tháng 11 năm 2019 và 02 biên bản làm thành (biên bản đề ngày 24/11/2019 kết thúc lúc 16 giờ 30 phút ngày 29/11/2019 và biên bản đề ngày 05/12/2019 kết thúc hồi 16 giờ 00 phút ngày 10/12/2019) nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án vào ngày 18/9/2020 do người nhận khoán tự làm và nộp cho Tòa án để làm chứng cứ là không có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của anh H.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên. Căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh; Luật đất đai năm 2003. Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H đối với bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng.

\* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Việt H1 rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với số tiền của yêu cầu thứ nhất, yêu cầu thứ ba về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 74.532.645,6 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí là 5.100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh H không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện là 79.632.645,6 đồng (*Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy sáu đồng*).

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H đối với số tiền 79.632.645,6 đồng. Anh Lê Minh H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

**[4]** Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H không được chấp nhận nên anh H phải chịu là 1.041.600 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.908.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0016011 ngày 07/9/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Anh Lê Minh H được nhận lại số tiền 1.866.400 đồng (*Một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.



[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H về việc:

Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của anh H trong 06 năm (từ 2012-2017) là: 20.832.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho anh tổng số tiền 79.632.645,6 đồng (*Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy sáu đồng*).

Anh Lê Minh H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền này theo quy định của pháp luật.

**Về án phí:** Nguyên đơn anh Lê Minh H phải chịu là 1.041.600 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.908.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0016011 ngày 07/9/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Anh Lê Minh H được nhận lại số tiền 1.866.400 đồng (*Một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

**Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Thành Tâm**